

Bản án số: 81/2022/DS-PT

Ngày: 06 - 5 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp
vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ;

Ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLPT- DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 167/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 209/2021/QĐ-PT ngày 06/10/2021 và số 232/2021/QĐ-PT ngày 05/11/2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 700/2021/TB-TA ngày 01/12/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 262/TB-TA ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1958; (có mặt)

Nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hứa Hoàng C, sinh năm 1956. Địa chỉ: đường T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 31/7/2019 tại Văn phòng Công chứng Nhựt Quang). (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang - là

người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26/4/2022 tại Phòng Công chứng Số 1 tỉnh An Giang). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Dương Đình T, sinh năm 1969 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V;

Địa chỉ: xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp bị đơn: Bà Hồ Hoàng P, sinh năm 1971. Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/9/2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Trứ). (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp bị đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984 Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Trứ). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.1 Ủy ban nhân dân huyện T; (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

3.2 Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Nơi cư trú: xã M, huyện C, tỉnh An Giang;

3.3 Ông Đỗ Văn P; (vắng mặt)

Nơi cư trú: xã M, huyện C, tỉnh An Giang;

3.4 Ông Lê Văn H, sinh năm 1961; (vắng mặt)

3.4 Bà Nguyễn Thị Vinh U, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Dương Đình T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày:

Ngày 06/3/2018, ông có ký hợp đồng góp vốn số 10/HĐGTC về việc thực hiện nhận thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Vĩnh Khánh, huyện T, tỉnh An Giang với ông Dương Đình T – là chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V (sau đây viết tắt là DNTN Triều V) do ông T là người đại diện theo pháp luật ký tên. Theo nội dung của hợp đồng thì ông góp vốn bằng tiền cho ông T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Số tiền vốn góp 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) được thực hiện như sau: Ông có ký quỹ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) với Ủy ban nhân dân huyện T, phần còn lại

là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) ông giữ lại để phục vụ cho mua vật tư, tiền nhân công trong quá trình thi công công trình chợ Vĩnh Khánh.

Đến tháng 9/2018, do công trình chưa hoàn thành để giao cho Ủy ban nhân dân huyện nghiệm thu nên ông T có xin gia hạn. Tuy nhiên, thời điểm này ông T có cho thuê một số nền kiot nhưng không chia lợi nhuận cũng như hoàn trả vốn góp của ông; số tiền ký quỹ cho Ủy ban nhân dân huyện quản lý, ông T cũng tự rút lại và không chi trả lại cho ông.

Do nhận thấy việc thu chi của ông T không rõ ràng, minh bạch nên ngày 26/02/2019, ông có làm văn bản đề nghị ông T – chủ DNTN Triều V công khai tài chính, chia lợi nhuận cho hai bên nhưng tới nay ông T vẫn không thực hiện. Hiện nay công trình thi công chợ Vĩnh Khánh đã hoàn thành hơn 90% và đã đưa vào hoạt động nên ông xin rút lại số tiền đã góp vốn với ông T.

Ông thừa nhận ngày 17/9/2018, ông có nhận từ ông T chuyển số tiền 200.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này là để chi mua tiền vật tư chứ không phải trả vốn góp lại cho ông như ông T trình bày.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Đình T chủ DNTN Triều V phân chia lợi nhuận, sau khi đã cân đối các khoản thu chi tính đến ngày 24/02/2019 là 1.406.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu đồng*), ông yêu cầu được chia 50% lợi nhuận theo hợp đồng là 703.000.000 đồng (*Bảy trăm lẻ ba triệu đồng*).

Ông yêu cầu được nhận 40% giá trị hoặc bằng hiện vật, 10% để góp cùng DNTN Triều V hoàn thành phần việc còn lại của công trình đối với số kiot trống chưa cho thuê tổng cộng 23 kiot, trong đó:

- + Có 06 kiot giá thuê là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tương đương 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*);
- + Có 17 kiot giá thuê là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tương đương 680.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu đồng*);
- + Có 03 kiot có đất và nhà là 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*);
- + Có 01 kiot có giá thuê là 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*).

Và buộc ông Dương Đình T chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V phải hoàn trả lại cho ông số tiền góp vốn là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Phân chia lợi nhuận tạm tính đến ngày 24/02/2019 là 1.406.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu đồng*), ông yêu cầu được chia 50% lợi nhuận theo hợp đồng là 703.000.000 đồng (*Bảy trăm lẻ ba triệu đồng*).

- Yêu cầu nhận 40% giá trị hoặc bằng hiện vật, 10% để góp cùng DNTN Triều V hoàn thành phần việc còn lại của công trình đối với số kiot trống chưa cho thuê tổng cộng 23 kiot, trong đó:

+ Có 06 kiot giá thuê là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tương đương 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng);

+ Có 17 kiot giá thuê là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) tương đương 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng);

+ Có 03 kiot có đất và nhà là 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu đồng);

+ Có 01 kiot có giá thuê là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng).

Ông chỉ yêu cầu ông Dương Đình T chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V phải hoàn trả lại cho ông số tiền góp vốn là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

* Bị đơn ông Dương Đình T và bà Hồ Hoàng P là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Ngày 06/3/2018, ông Dương Đình T – là chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V có ký hợp đồng góp vốn số 10/HĐGTC với ông Trần Văn N về việc thực hiện nhận thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Vĩnh Khánh, huyện T, tỉnh An Giang. Theo nội dung của hợp đồng thì ông N góp vốn bằng tiền cho ông T số tiền 500.000.000 đồng, chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Ông N thay mặt ông T ký gửi cho Ủy ban nhân dân huyện T số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Giai đoạn 2: Còn lại 200.000.000 đồng, Ông N giữ lại để chi tiền mua vật tư, công nhân, nhân viên quản lý chợ trong quá trình thi công chợ.

Tuy nhiên, trong quá trình thi công, khó khăn về vốn nên ông T có mượn lại Phòng Kinh tế - Hạ tầng số tiền đã ký gửi 300.000.000 đồng. Số tiền này ông đứng ra đại diện mượn nên bên doanh nghiệp ông sẽ có trách nhiệm trả lại cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng. Số tiền này hiện nay ông chưa hoàn trả lại cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng.

Ngày 17/9/2018, ông T có chuyển trả lại cho ông N số tiền vốn góp 200.000.000 đồng. Tuy trong phiếu chuyển tiền ghi là thanh toán tiền vật tư nhưng thực tế đây là số tiền ông T chuyển trả vốn. Cùng ngày 17/9/2018, ông N có chuyển khoản cho ông T số tiền 54.000.000 đồng là tiền ông T2 thu của những hộ dân thuê kiốt.

Trước đây thì giao cho ông T2 thu nhưng sau sự cố tạm ngưng của Phòng hạ tầng do sai thiết kế nên đến ngày 19/9/2018 ông mới giao lại cho ông N. Sau ngày này ông N sẽ tự thu chi, ông có đưa sổ cho ông N thu chi. Từ ngày 16/01 đến ngày 30/01/2019, ông N có thu kiot được số tiền 131.000.000 đồng nhưng không có chuyển khoản cho Công ty.

Ngoài ra, ông T2 có thu số tiền 115.000.000 đồng từ việc cho thuê Kiot. Ông T2 trình bày là số tiền này đã chuyển cho ông N nhưng ông N cũng không chuyển về công ty. Thời gian này trách nhiệm thu tiền đã giao lại cho ông N nên ông N phải có trách nhiệm với khoản tiền thu này.

Trong quá trình này, ông N đã tự thu tiền nhưng không chuyển về cho DNTN Triều V nên cũng lấp phần vốn góp 300.000.000 đồng của ông N còn lại. Vì vậy, ông T không đồng ý trả số tiền vốn góp 500.000.000 đồng lại cho ông N.

Còn phần lợi nhuận, ông T đồng ý chia cho ông N số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), ông sẽ chuyển cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện T và làm giấy ủy quyền cho ông N đi nhận.

Tại phiên tòa, bà P là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày số tiền 200.000.000 đồng đã trả lại cho ông N theo phiếu yêu cầu chuyển tiền ngày 17/9/2018 nên phía ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N. Ông T chỉ đồng ý trả lại cho ông N số tiền 300.000.000 đồng,

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Liên K trình bày trong quá trình hòa giải:*

Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện T là đại diện của Ban chuyển đổi mô hình chợ huyện T. Căn cứ hợp đồng về việc giao nhận thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Khánh, huyện T số 10/HĐGTC ngày 02/3/2018 giữa bên nhận thầu ông Phạm Thành Được – Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng với bên nhận thầu là doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V do ông Dương Đình T là chủ doanh nghiệp.

Theo đó, DNTN Triều V hợp đồng xây dựng và khai thác chợ Vĩnh Khánh trong thời gian 7 năm, sau 7 năm sẽ giao trả chợ lại cho Ủy ban nhân dân huyện khai thác. Thời điểm này, ông N là người nộp ký quỹ tại Ủy ban nhân dân huyện T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau này, ông T có yêu cầu nhận lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), phía Ủy ban nhân dân huyện (mà đại diện là phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện T) cho rằng việc này là không phù hợp nhưng do Ủy ban có chủ trương hỗ trợ cho doanh nghiệp nên có ký cho ông T tạm ứng, mượn nợ lại số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) (dựa trên thông báo số 663/TB-VP ngày 06/6/2018). Ông T là người đã đến trực tiếp ký nhận tạm ứng tiền này.

Ủy ban nhân dân huyện giao địa phương (xã) hỗ trợ thông báo mời gọi tiểu thương để triển khai đồng thuận với doanh nghiệp để đi đến hợp đồng chứ không có trách nhiệm đứng ra thu giúp.

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn góp 500.000.000 đồng, Ủy ban huyện không có ý kiến gì vì việc góp vốn này là giữa ông N với ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vinh U cung cấp tự khai: Ngày 01/11/2018, bà và DNTN Triều V có ký Hợp đồng v/v thuê khoán thu hoa chi chợ Vĩnh Khánh, huyện T. Bà đã thanh toán đầy đủ giá trị theo giá trị hợp đồng đã ký kết nhưng về phía DNTN Triều V chưa thực hiện đúng hợp đồng với bà và gây thiệt hại cho bà, cụ thể như sau:*

- Nhà lồng chợ bách hóa 28 kiot không thu hoa chi được x 10.000 đồng/ngày x 730 ngày = 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng);

- Tiền hỗ trợ lãi 15.000.000 đồng/ tháng x 19 tháng = 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Bà không liên quan đến việc thu, chi tiền cho thuê Kiot của DNTN Triều V. Riêng phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của DNTN Triều V đối với bà, bà sẽ có yêu cầu độc lập riêng nếu hai bên không tự giải quyết được theo các điều khoản hợp đồng. Bà xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử tại Tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, ông Huỳnh Văn T2 và ông Đỗ Văn P không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 504 và Điều 510 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N: Buộc ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V phải hoàn trả lại cho ông Trần Văn N số tiền góp vốn là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với yêu cầu:

- Phân chia lợi nhuận tạm tính đến ngày 24/02/2019 là 1.406.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu đồng*), ông yêu cầu được chia 50% lợi nhuận theo hợp đồng là 703.000.000 đồng (*Bảy trăm lẻ ba triệu đồng*).

- Yêu cầu nhận 40% giá trị hoặc bằng hiện vật, 10% để góp cùng DNTN Triều V hoàn thành phần việc còn lại của công trình đối với số kiot trống chưa cho thuê tổng cộng 23 kiot, trong đó:

+ Có 06 kiot giá thuê là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tương đương 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*);

+ Có 17 kiot giá thuê là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tương đương 680.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu đồng*);

+ Có 03 kiot có đất và nhà là 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*);

+ Có 01 kiot có giá thuê là 51.000.000 đồng (*Năm mươi mốt triệu đồng*).

Ông Trần Văn N có quyền khởi kiện ông T đối với yêu cầu này bằng một vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 04/6/2021, bị đơn ông Dương Đình T – chủ DNTN Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V, kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

Không chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Thành T1 đại diện ủy quyền nguyên đơn ông N có ý kiến: Ông N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút lại yêu cầu ông Dương Đình T – chủ DNTN thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V trả số tiền vốn góp 200.000.000 đồng. Ông và phía ông T sẽ cùng nhau quyết toán các chi phí, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện sau. Đối với phần vốn góp còn lại 300.000.000 đồng thì ông đã trao đổi phía ông T, thống nhất trả lại ông trước số tiền này.

Ông Nguyễn Lưu Q đại diện ủy quyền bị đơn ông T có ý kiến: Ông thống nhất ý kiến phía đại diện ủy quyền của ông N trình bày, cụ thể: ông T đồng ý với việc ông N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn góp 200.000.000đ. Đồng ý cho ông N rút một phần vốn góp trước thời hạn của Hợp đồng góp vốn năm 2018, ông T - chủ DNTN thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V sẽ trả cho ông N số tiền vốn góp 300.000.000 đồng. Do đó, ông đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này giữa nguyên đơn và bị đơn, về án phí do đương sự đã thỏa thuận được nên yêu cầu Tòa án chia đôi.

Ông Nguyễn Thành T1 đại diện ủy quyền nguyên đơn ông N có ý kiến: Do phía bị đơn thống nhất ý kiến của nguyên đơn nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận này và xem xét đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Về án phí, thống nhất chia đôi phần thỏa thuận nhưng yêu cầu xem xét ông N là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Dương Đình T là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần vốn góp là chưa đủ điều kiện khởi kiện (thời gian hợp đồng góp vốn chưa kết thúc nhưng yêu cầu rút vốn) nên việc hai bên thỏa thuận được tại phiên tòa phúc thẩm nếu công nhận sẽ không phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Dương Đình T – Chủ DNTN Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Hứa Hoàng C người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng ông N có ý kiến yêu cầu xét xử vắng mặt ông Chấn. Bà Hồ Hoàng P đại diện ủy quyền của bị đơn, ông Huỳnh Văn T2, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Vinh U có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện T, ông Đỗ Văn Phong đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và việc bị đơn kháng cáo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Dương Đình T – Chủ DNTN thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Hợp đồng góp vốn không ghi ngày tháng năm 2018 được ký kết giữa bên góp vốn ông Trần Văn N với bên nhận góp vốn Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V do ông Dương Đình T – Chủ Doanh nghiệp đại diện, có hiệu lực từ ngày 06/3/2018. Theo nội dung hợp đồng thỏa thuận thì ông N góp vốn bằng tiền cho ông T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Ông N và ông T đều thống nhất sau khi ký hợp đồng góp vốn, ông N đã thực hiện việc góp vốn bằng tiền mặt là 500.000.000 đồng, cụ thể là gửi ký quỹ 300.000.000 đồng tại Ủy ban nhân dân huyện T và 200.000.000 đồng ông N giữ lại để chi mua vật tư. Do đó, xác định Hợp đồng góp vốn nêu trên được xác lập phù hợp trên nguyên tắc tự nguyện, cam kết, thỏa thuận của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa ông N và ông T có phát sinh mâu thuẫn do ông T không công khai tài chính rõ ràng. Ngày 26/02/2019, ông N có thông báo đề nghị ông T công khai tài chính. Sau khi nhận được thông báo của ông N, vào ngày 06/3/2019, ông T có thông báo về việc yêu cầu công khai tài chính chợ Vĩnh Khánh cho ông N (bút lục số 291). Thông báo ngày 06/3/2019 là ông T gởi cho ông N nhưng do sơ suất ông T để gởi UBND huyện Tịnh Biên. Tuy nhiên, từ khi ông N có yêu cầu công khai tài chính tới nay, ông T vẫn chưa thực hiện việc công khai. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn cho rút vốn 500.000.000 đồng.

Phía ông T cho rằng đã chuyển khoản trả vốn góp cho ông N số tiền 200.000.000 đồng theo phiếu yêu cầu chuyển tiền ngày 17/9/2018 (bút lục số 289) nhưng không được ông N thừa nhận. Ông N cho rằng, số tiền 200.000.000 đồng này là tiền ông T chuyển cho ông thanh toán tiền vật tư do tại thời điểm đó ông là người trực tiếp mua vật tư để phục vụ thi công công trình. Sau ngày 06/3/2019 là ngày ông T thông báo cho ông N về việc yêu cầu công khai tài chính, ông N mới yêu cầu rút lại số tiền vốn góp với ông T nhưng phiếu yêu cầu chuyển số tiền 200.000.000 đồng ngày 17/09/2018 với nội dung chuyển tiền mua vật tư. Ngoài

ra, số tiền này ông N cũng không thừa nhận là số tiền vốn ông T trả cho ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà P là người đại diện theo ủy quyền của ông T thống nhất trả lại cho ông N số tiền 300.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có cơ sở.

Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng góp vốn không ghi ngày tháng năm 2018 được ký kết giữa bên góp vốn ông Trần Văn N với bên nhận góp vốn Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V do ông Dương Đình T – Chủ Doanh nghiệp đại diện, có hiệu lực từ ngày 06/3/2018 quy định: Thời hạn góp vốn từ ngày 06/3/2018 đến ngày kết thúc Hợp đồng kinh doanh, khai thác, quản lý chợ Vĩnh Khánh bàn giao lại cho địa phương; Đồng thời căn cứ Điều 2 Hợp đồng về việc giao nhận thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Vĩnh Khánh, xã Vĩnh Khánh, huyện T số 10/HĐGTC ngày 02/3/2018 giữa Ban chuyển đổi mô hình chợ Thoại Sơn do ông Phạm Thành Được, chức vụ phó ban (Đại diện bên A) với DNTN Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V do ông Dương Đình T, chức vụ Chủ Doanh nghiệp (Đại diện bên B) có nội dung: Bên B được kinh doanh, khai thác và quản lý Chợ Vĩnh Khánh trong thời hạn 07 năm, tính từ ngày 06/9/2018 đến ngày 06/9/2025. Điều này cho thấy thời hạn góp vốn chưa kết thúc. Và tại Điều 4 Hợp đồng góp vốn có quy định tăng, giảm góp vốn nên nếu ông N yêu cầu rút hết vốn là không phù hợp với thỏa thuận, lẽ ra cấp sơ thẩm chỉ công nhận đối với việc bị đơn đồng ý trả số vốn góp 300.000.000 đồng, mà giải quyết buộc bị đơn trả luôn 200.000.000 đồng chưa đúng thỏa thuận của hợp đồng góp vốn và do vấn đề quyết toán các bên chưa thống nhất, rõ ràng về phần chi thu mua vật tư xây dựng.

Nay ông T kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của ông N nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận: ông T - chủ DNTN thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V đồng ý cho ông N rút một phần vốn góp trước thời hạn của Hợp đồng góp vốn năm 2018, ông T - chủ DNTN thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V sẽ trả cho ông N số tiền vốn góp 300.000.000 đồng. Xét thấy như đã phân tích về thời hạn hợp đồng góp vốn và việc tăng giảm vốn góp tại Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng góp vốn nêu trên thì đây việc các đương sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: buộc ông T - chủ DNTN thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V có trách nhiệm trả cho ông N số tiền vốn góp 300.000.000 đồng.

Đối với việc nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn góp 200.000.000 đồng và được bị đơn đồng ý. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông T - chủ DNTN Thương mại Dịch vụ - Xây dựng Triều V trả số tiền góp vốn 200.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn do ông Quang đại diện ủy quyền: hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; và sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như nhận định trên. Đối với ý kiến đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát tại phiên tòa như đã phân tích không có cơ sở xem xét chấp nhận.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đồng ý chia đôi số tiền án phí, nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người chịu số tiền 7.500.000 đồng. Do ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông N được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông T phải nộp số tiền 7.500.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 4 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V;

- Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với số tiền vốn góp 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) của Hợp đồng góp vốn không ghi ngày tháng năm 2018, có hiệu lực ngày 06/3/2018 giữa ông Trần Văn N và ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V;

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn N và ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V:

Ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V đồng ý cho ông Trần Văn N rút một phần vốn góp của Hợp đồng góp vốn không ghi ngày tháng năm 2018, có hiệu lực ngày 06/3/2018 giữa ông Trần Văn N và ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V. Buộc ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V phải hoàn trả lại cho ông Trần Văn N số tiền góp vốn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với yêu cầu:

- Phân chia lợi nhuận tạm tính đến ngày 24/02/2019 là 1.406.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu đồng*), ông yêu cầu được chia 50% lợi nhuận theo hợp đồng là 703.000.000 đồng (*Bảy trăm lẻ ba triệu đồng*).

- Yêu cầu nhận 40% giá trị hoặc bằng hiện vật, 10% để góp cùng DNTN Triều V hoàn thành phần việc còn lại của công trình đối với số kiot trống chưa cho thuê tổng cộng 23 kiot, trong đó:

+ Có 06 kiot giá thuê là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tương đương 360.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*);

+ Có 17 kiot giá thuê là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tương đương 680.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu đồng*);

+ Có 03 kiot có đất và nhà là 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*);

+ Có 01 kiot có giá thuê là 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*).

Ông Trần Văn N có quyền khởi kiện ông T đối với yêu cầu này bằng một vụ kiện khác.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Án phí sơ thẩm:

Ông Dương Đình T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại dịch vụ - Xây dựng Triều V phải chịu 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Án phí phúc thẩm: Ông Dương Đình T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008575 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA-DS huyện T;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu